



# Danh Sách Ghi Điểm

Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Nghiên cứu thị trường (208430-02)

CBGD

Trang 1

| STT | Mã SV               | Họ Và Tên                 |                  | Ng/Sinh             | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|---------------------|---------------------------|------------------|---------------------|-------|------|----------|--------|---------|
| 1   | 11221005            | TRẦN THỊ                  | AI               | 01/01/82            | 1     | 5    | Năm      | Thh    |         |
| 2   | 11221006            | NGUYỄN HOÀNG              | ANH              | 01/11/92            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 3   | 11221007            | NGUYỄN HOÀNG              | ANH              | 27/02/93            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 4   | 11221008            | NGUYỄN VĂN                | BẦY              | 28/11/68            | 1     | 6    | Sáu      | Thh    |         |
| 5   | 11221009            | NGUYỄN VĂN                | BỀN              | 14/04/68            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 6   | 11221010            | NGUYỄN THÀNH              | CÔNG             | 01/01/89            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 7   | <del>11221011</del> | <del>ĐẶNG HÙNG</del>      | <del>CƯỜNG</del> | <del>1/65</del>     |       |      |          |        | Vắng    |
| 8   | 11221014            | PHẠM XUÂN                 | DỪNG             | 26/10/79            | 1     | 5    | Năm      | Thh    |         |
| 9   | 11221015            | HUỲNH NGUYỄN TRỌNG        | DUY              | 30/10/81            | 1     | 9    | Chín     | Thh    |         |
| 10  | 11221013            | BÙI TẤN                   | DƯƠNG            | 30/02/89            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 11  | 11221012            | VÕ THỊ THÙY               | DƯƠNG            | 17/04/83            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 12  | 11221002            | HUỲNH VĂN                 | ĐIỀN             | 13/09/75            | 1     | 9    | Chín     | Thh    |         |
| 13  | 11221003            | ĐẶNG THANH                | ĐIỀU             | 08/02/82            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 14  | <del>11221001</del> | <del>HUỲNH RẠNG</del>     | <del>ĐÔNG</del>  | <del>22/11/92</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 15  | 11221004            | LÊ HỮU                    | ĐỨC              | 28/11/74            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 16  | 11221016            | NGUYỄN TÚ                 | EM               | 24/06/87            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 17  | 11221017            | PHAN TRƯỜNG               | GIANG            | 04/07/93            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 18  | 11221020            | MAI HỒNG                  | HẠNH             | 26/08/84            | 1     | 5    | Năm      | Thh    |         |
| 19  | 11221021            | NGUYỄN NGỌC               | HẠNH             | 19/05/86            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 20  | 11221018            | VÕ THỊ THANH              | HẰNG             | 20/02/77            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 21  | 11221022            | LÂM TRỌNG                 | HIẾU             | 21/05/91            | 1     | 5    | Năm      | Thh    |         |
| 22  | 11221023            | LÊ PHÚ                    | HUY              | 08/07/74            | 1     | 9    | Chín     | Thh    |         |
| 23  | 11221024            | PHẠM THỊ THANH            | HUYỀN            | 11/03/84            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 24  | <del>11221019</del> | <del>NGUYỄN THỊ THU</del> | <del>HƯƠNG</del> | <del>28/02/85</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 25  | 11221025            | TRẦN NAM                  | KHA              | 08/05/92            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 26  | 11221026            | NGUYỄN ĐĂNG               | KHOA             | 10/11/82            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 27  | <del>11221028</del> | <del>HUỲNH PHI</del>      | <del>LONG</del>  | <del>19/02/81</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 28  | 11221029            | NGÔ HOÀNG                 | LONG             | 09/01/83            | 1     | 5    | Năm      | Thh    |         |
| 29  | <del>11221027</del> | <del>HUỲNH THIỆU</del>    | <del>LƯƠNG</del> | <del>16/12/92</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 30  | 11221030            | HUỲNH HOÀNG               | MINH             | 28/10/87            | 1     | 8    | Tám      | Thh    |         |
| 31  | 11221032            | NGUYỄN VĂN                | NHÀN             | 01/01/73            | 1     | 7    | Bảy      | Thh    |         |
| 32  | <del>11221033</del> | <del>ĐÀO KIM</del>        | <del>NHÀN</del>  | <del>26/10/93</del> |       |      |          |        | Vắng    |

# Danh Sách Ghi Điểm

Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)

Môn Học

Nghiên cứu thị trường (208430-02)

CBGD

Trang 2

| STT | Mã SV               | Họ Và Tên               |                  | Ng/Sinh             | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|---------------------|-------------------------|------------------|---------------------|-------|------|----------|--------|---------|
| 33  | 11221031            | LÊ TRỌNG                | NHÂN             | 01/10/81            | 1     | 5    | Năm      |        |         |
| 34  | <del>11221034</del> | <del>TRẦN THANH</del>   | <del>NUÔI</del>  | <del>1 / 87</del>   |       |      |          |        | Vắng    |
| 35  | 11221040            | LÊ HOÀI                 | PHONG            | 15/12/81            | 1     | 6    | Sáu      |        |         |
| 36  | 11221037            | NGUYỄN THANH            | PHÚ              | 20/11/88            | 1     | 5    | Năm      |        |         |
| 37  | 11221038            | HUỖNH ĐIỂM              | PHÚC             | 20/12/82            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 38  | <del>11221039</del> | <del>NGUYỄN THANH</del> | <del>PHÚC</del>  | <del>27/12/88</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 39  | 11221035            | NGUYỄN HỒNG             | PHƯỚC            | 30/04/82            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 40  | 11221036            | LƯƠNG NGỌC              | PHƯỢNG           | 05/11/78            | 1     | 8    | Tám      |        |         |
| 41  | 11221041            | HUỖNH THANH             | SANG             | 18/08/90            | 1     | 8    | Tám      |        |         |
| 42  | <del>11221042</del> | <del>PHAN VĂN</del>     | <del>SANG</del>  | <del>17/04/84</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 43  | 11221043            | TRƯỜNG THANH            | SANG             | 25/12/80            | 1     | 5    | Năm      |        |         |
| 44  | 11221044            | NGUYỄN NHẤT             | SINH             | 20/12/87            | 1     | 5    | Năm      |        |         |
| 45  | <del>11221046</del> | <del>LÊ THÀNH</del>     | <del>TẤN</del>   | <del>1 / 93</del>   |       |      |          |        | Vắng    |
| 46  | <del>11221054</del> | <del>NGUYỄN PHÚ</del>   | <del>THANH</del> | <del>10/01/84</del> |       |      |          |        | Vắng    |
| 47  | 11221049            | VÕ TRƯỜNG               | THÀNH            | 26/02/83            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 48  | 11221050            | MAI VĂN                 | THẢO             | 26/03/79            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 49  | 11221052            | PHẠM THỊ HỒNG           | THẨM             | 05/12/84            | 1     | 9    | Chín     |        |         |
| 50  | 11221051            | NGUYỄN VĂN              | THẮNG            | 1 / 86              | 1     | 6    | Sáu      |        |         |
| 51  | 11221053            | HUỖNH MINH              | THẮNG            | 1 / 85              | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 52  | 11221048            | VÕ THÀNH                | THUẬN            | 25/10/82            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 53  | 11221047            | LÊ THỊ ANH              | THƯ              | 15/07/83            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 54  | 11221055            | HỒ VĂN                  | THƯỢT            | 08/08/79            | 1     | 6    | Sáu      |        |         |
| 55  | 11221058            | MAI THANH               | TOÀN             | 06/06/86            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 56  | 11221045            | TRẦN BẢO                | TỒN              | 01/10/84            | 1     | 8    | Tám      |        |         |
| 57  | 11221056            | HUỖNH MINH              | TÓI              | 07/09/80            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 58  | 11221061            | VÕ THANH                | TRAI             | 12/02/82            | 1     | 6    | Sáu      |        |         |
| 59  | 11221059            | NGUYỄN HẢI MINH         | TRÂN             | 12/10/83            | 1     | 9    | Chín     |        |         |
| 60  | 11221064            | TRẦN MINH               | TRÍ              | 1 / 82              | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 61  | 11221063            | VÕ MINH                 | TRÍ              | 05/07/89            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 62  | 11221062            | PHẠM VĂN                | TRỌNG            | 01/04/92            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 63  | 11221060            | ÔN THANH                | TRƯƠNG           | 1 / 74              | 1     | 8    | Tám      |        |         |
| 64  | 11221066            | ĐỒNG VĂN                | TUẤN             | 1 / 85              | 1     | 8    | Tám      |        |         |
| 65  | 11221069            | HUỖNH ANH               | TUẤN             | 28/08/89            | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 66  | 11221065            | HUỖNH VĂN               | TUẤN             | 16/08/90            | 1     | 5    | Năm      |        |         |

## Danh Sách Ghi Điểm

**Lớp: TC11PTLA (Phát triển nông thôn & khuyến nông Long An)**

Môn Học **Nghiên cứu thị trường (208430-02)**  
CBGD

Trang 3

| STT | Mã SV    | Họ Và Tên         | Ng/Sinh  | Số Tờ | Đ.Số | Điểm Chữ | Chữ Ký | Ghi Chú |
|-----|----------|-------------------|----------|-------|------|----------|--------|---------|
| 67  | 11221068 | NGUYỄN THANH TUẤN | 19/05/84 | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 68  | 11221070 | NGUYỄN VĂN TUẤN   | 20/04/77 | 1     | 5    | Năm      |        |         |
| 69  | 11221067 | VÕ ANH TUẤN       | 11/08/77 | 1     | 6    | Sáu      |        |         |
| 70  | 11221057 | LÊ MINH TÙNG      | 17/11/78 | 1     | 6    | Sáu      |        |         |
| 71  | 11221071 | MAI THANH TUYỀN   | 01/08/72 | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 72  | 11221072 | NGUYỄN ANH VŨ     | 17/10/90 | 1     | 7    | Bảy      |        |         |
| 73  | 11221073 | NGUYỄN TẤN VŨ     | 30/02/89 |       |      |          |        | Vấn     |

In Ngày 17/07/15 *61 bài*  
*61 + 6*

Ngày *23* Tháng *07* Năm *2015*

Cán Bộ Coi Thi 1 *Bảy*

Cán Bộ Coi Thi 2 *Nguyễn Văn Tuấn*

Xác nhận của Bộ Môn \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 1 \_\_\_\_\_

Cán Bộ Chấm Thi 2 \_\_\_\_\_

In Ngày 17/07/15

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2015

PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi

*Trần Đức Luân*